

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 20



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà EVN Land Central, 78A Duy Tân, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lập Dầu khí Miền Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Xuân Mô	Chủ tịch
Ông Bùi Công Toanh	Ủy viên
Ông Bùi Tiến Thành	Ủy viên
Ông Nguyễn Tiến Hùng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2010)
Ông Ngô Giang Nam	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2010)
Bà Phan Thị Hồng Dương	Trợ lý

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Công Toanh	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Giang Nam	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2010 và miễn nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2010)
Ông Vương Minh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Phước	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 21 tháng 8 năm 2010)
Ông Vương Duy Tú	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 21 tháng 8 năm 2010)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống; kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Công Toanh
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2011

Số: 301 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 20. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 16 tháng 3 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Kiểm toán. Tư vấn Thuế. Tư vấn Tài chính. Tư vấn Giải pháp.

Nguyễn Quang Trung
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0733/KTV

Thành viên
Deloitte Touche Tohmatsu Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		314.323.340.003	134.012.151.868
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	29.502.757.550	10.676.342.639
1. Tiền	111		3.502.757.550	10.676.342.639
2. Các khoản tương đương tiền	112		26.000.000.000	-
II- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		161.117.314.648	68.012.391.282
1. Phải thu khách hàng	131		62.552.398.062	63.720.168.053
2. Trả trước cho người bán	132		19.314.890.899	2.976.745.784
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		72.941.167.770	-
4. Các khoản phải thu khác	135		6.777.846.900	1.315.477.445
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(468.988.983)	-
III- Hàng tồn kho	140	6	103.932.684.480	50.528.990.583
1. Hàng tồn kho	141		103.932.684.480	50.528.990.583
IV- Tài sản ngắn hạn khác	150		19.770.583.325	4.794.427.364
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.347.811.855	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.293.889.785	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		11.128.881.685	4.794.427.364
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		313.771.670.178	52.810.120.895
I- Tài sản cố định	220		83.201.224.966	40.999.665.490
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	61.323.559.924	40.799.112.699
- Nguyên giá	222		89.420.845.207	60.882.795.764
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.097.285.283)	(20.083.683.065)
2. Tài sản cố định vô hình	227		21.936.667	3.603.600
- Nguyên giá	228		38.000.000	13.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(16.063.333)	(9.396.400)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	21.855.728.375	196.949.191
II- Bất động sản đầu tư	240	9	180.605.388.750	-
- Nguyên giá	241		181.013.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(407.611.250)	-
III- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		34.100.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	10	22.800.000.000	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258	11	11.300.000.000	-
IV- Tài sản dài hạn khác	260		15.865.056.462	11.810.455.405
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	15.865.056.462	11.810.455.405
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		628.095.010.181	186.822.272.763

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MÃ SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		464.411.350.372	133.901.637.420
I- Nợ ngắn hạn	310		355.329.560.973	133.157.995.745
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	132.691.910.740	26.224.762.774
2. Phải trả người bán	312		107.636.749.041	67.183.471.821
3. Người mua trả tiền trước	313		80.093.198.841	13.561.555.024
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	7.000.458.865	5.637.268.322
5. Phải trả người lao động	315		15.641.570.899	5.312.888.525
6. Chi phí phải trả	316		11.430.614.101	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1.381.755.926	15.462.689.279
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(546.697.440)	(224.640.000)
II- Nợ dài hạn	330		109.081.789.399	743.641.675
1. Vay và nợ dài hạn	334	15	109.107.336.841	745.646.696
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		(25.547.442)	(2.005.021)
B- NGUỒN VỐN (400 = 410)	400		163.683.659.809	52.920.635.343
I- Vốn cổ đông	410	16	163.683.659.809	52.920.635.343
1. Vốn điều lệ	411		150.000.000.000	50.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		13.683.659.809	2.920.635.343
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		628.095.010.181	186.822.272.763



Bùi Công Toanh
 Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2011

Vũ Văn Duẩn
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	470.969.715.735
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		470.969.715.735
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	405.599.483.582
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		65.370.232.153
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.929.249.255
6. Chi phí tài chính	22		19.793.985.642
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		19.591.408.404
7. Chi phí bán hàng	24		794.648.817
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		18.885.444.611
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+21-22-24-25)	30		28.825.402.338
10. Thu nhập khác	31		1.255.107.660
11. Chi phí khác	32		564.545.628
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		690.562.032
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		29.515.964.370
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	19	7.378.991.093
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		22.136.973.277
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	1.586

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG
 HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG



[Handwritten signature]

Bùi Công Toanh
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2011

[Handwritten signature]

Vũ Văn Duẩn
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà EVN Land Central, 78A Duy Tân, quận Hải Châu

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	29.515.964.370
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao TSCĐ	02	9.426.816.696
- Các khoản dự phòng	03	468.988.983
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.929.252.783)
- Chi phí lãi vay	06	19.591.408.404
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	56.073.925.670
- (Tăng) các khoản phải thu	09	(93.573.912.349)
- (Tăng) hàng tồn kho	10	(53.403.693.897)
- Giảm các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	74.335.504.844
- (Tăng) chi phí trả trước	12	(19.030.757.018)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(14.935.969.478)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.551.237.916)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(147.491.233)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(53.233.631.377)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(217.458.068.110)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	49.038.060
3. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức lợi nhuận được chia	27	2.929.252.783
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(214.479.777.267)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các cổ đông	31	82.960.985.444
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	296.692.623.819
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(81.863.785.708)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	(11.250.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	286.539.823.555
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	18.826.414.911
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	10.676.342.639
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	29.502.757.550

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Trong năm Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam góp vốn bằng tài sản cố định và nợ phải trả với giá trị lần lượt là 12.124.202.428 đồng và 4.914.812.118 đồng. Vì vậy một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần giảm các khoản phải trả, tiền chi để mua sắm tài sản cố định và tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các cổ đông.



Bùi Công Toanh
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2011

Vũ Văn Dẫn
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà EVN Land Central, 78A Duy Tân, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÀU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 965/QĐ-XLTK ngày 16 tháng 11 năm 2009 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, trên cơ sở chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Dầu khí Miền Trung thành công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4300368987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 11 năm 2009, sửa đổi lần 2 của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 5 tháng 8 năm 2010.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 150 tỷ đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 470 người (ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 242 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, cầu đường, công trình dân dụng, công nghiệp trong và ngoài ngành dầu khí; xây dựng các công trình thủy lợi; san lấp mặt bằng;
- Đầu tư xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí; xây dựng các công trình đê kè, cầu cảng;
- Sản xuất kinh doanh bê tông thương phẩm, khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ; sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại;
- Bảo dưỡng sửa chữa tàu thuyền và các phương tiện nổi; chế tạo lắp đặt bồn chứa xăng, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống công nghệ;
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt hệ thống đường dây tải điện đến 35 KV và các hệ thống điện dân dụng, công nghiệp; đầu tư kinh doanh bất động sản; và
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, rượu bia, karaoke, massage và các dịch vụ liên quan đến khách sạn.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tuy nhiên, theo đánh giá của Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty không có vật tư, hàng hóa tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất nên không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2010
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	5 - 7
Thiết bị quản lý	3 - 7
Tài sản khác	4

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 20 năm. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không được khấu hao.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện giá trị còn lại của các khoản chi phí có thể mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hoá dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm, theo các quy định kế toán hiện hành.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng (tiếp theo)

Khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng, khoản lỗ ước tính được ghi nhận ngay vào chi phí.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà EVN Land Central, 78A Duy Tân, quận Hải Châu

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.567.360.167	196.508.552
Tiền gửi ngân hàng	1.935.397.383	10.479.834.087
Các khoản tương đương tiền (i)	26.000.000.000	-
	<u>29.502.757.550</u>	<u>10.676.342.639</u>

(i) Các khoản tương đương tiền thể hiện số dư các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội và Ngân hàng TMCP Quân đội.

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.309.140.687	3.080.070.467
Công cụ, dụng cụ	269.380.104	80.069.890
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	90.701.774.996	45.202.617.163
Thành phẩm	652.388.693	2.166.233.063
	<u>103.932.684.480</u>	<u>50.528.990.583</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG
Tòa nhà EVN Land Central, 78A Duy Tân, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2010	5.163.087.234	33.551.007.695	18.814.280.345	603.520.400	2.750.000.000	60.887.795.764
Mua sắm mới	-	9.378.533.952	708.536.797	363.773.632	348.080.909	10.798.925.290
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	3.028.760.000	933.603.636	-	-	3.962.363.636
Tăng do nhận góp vốn	12.124.202.438	-	-	-	-	12.124.202.438
Tăng do xác định lại giá trị doanh nghiệp	1.970.635.380	-	-	-	-	1.970.635.380
Thanh lý	-	(233.542.857)	(84.534.444)	-	-	(318.077.301)
Tại ngày 31/12/2010	19.257.925.052	45.725.658.790	20.371.886.334	967.294.122	3.098.080.909	89.420.845.207
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2010	1.741.487.076	10.332.543.687	5.808.734.962	445.072.894	1.755.844.446	20.083.683.065
Khấu hao trong năm	858.143.755	4.892.041.156	2.743.234.318	179.720.711	339.398.573	9.012.538.513
Tăng do xác định lại giá trị doanh nghiệp	1.107.316.377	-	-	-	-	1.107.316.377
Giảm do xác định lại giá trị doanh nghiệp	-	(668.608.820)	(1.143.666.725)	(24.937.886)	-	(1.837.213.431)
Thanh lý	-	(196.359.620)	(72.699.621)	-	-	(269.039.241)
Tại ngày 31/12/2010	3.706.947.208	14.359.636.403	7.335.602.934	599.855.719	2.095.243.019	28.097.285.283
Giá trị còn lại						
Tại ngày 31/12/2010	15.550.977.844	31.366.022.387	13.036.283.400	367.438.403	1.002.837.890	61.323.559.924
Tại ngày 31/12/2009	3.421.600.158	23.219.364.008	13.005.545.383	158.447.596	994.155.554	40.799.112.699

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà EVN Land Central, 78A Duy Tân, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Năm 2010	Kỳ hoạt động từ ngày 1/12/2009 đến ngày 31/12/2009
	VND	VND
Số đầu kỳ	196.949.191	-
Tăng trong kỳ	25.621.142.820	196.949.191
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.962.363.636)	-
Số cuối kỳ	21.855.728.375	196.949.191
Chi tiết các công trình XDCB dở dang cuối kỳ:		
- Trạm nghiên	-	196.949.191
- Trạm trộn	229.949.191	-
- Nhà máy sản xuất bao bi	21.625.779.184	-

9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Quyền sử dụng	Tổng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2010	-	-	-
Tăng trong năm (*)	18.693.000.000	162.320.000.000	181.013.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Tại ngày 31/12/2010	18.693.000.000	162.320.000.000	181.013.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2010	-	-	-
Khấu hao trong năm	407.611.250	-	407.611.250
Thanh lý	-	-	-
Tại ngày 31/12/2010	407.611.250	-	407.611.250
Giá trị còn lại			
Tại ngày 31/12/2010	18.285.388.750	162.320.000.000	180.605.388.750
Tại ngày 31/12/2009	-	-	-

(*) Phần bất động sản đầu tư tăng trong năm bao gồm:

- Mua khách sạn Riverside Đà Nẵng gồm 13 tầng và trang thiết bị máy móc gắn liền theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 61,4 tỷ đồng và tài sản gắn liền giá trị 18,6 tỷ đồng. Công ty đã nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền được cấp bởi Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng ngày 9 tháng 7 năm 2010.
- Mua quyền sử dụng lô đất 5.000 m² theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24 tháng 6 năm 2010, giá trị quyền sử dụng đất được chuyển nhượng là 100 tỷ đồng. Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp bởi Ủy ban nhân dân quận Sơn Trà ngày 25 tháng 8 năm 2010.
- Các chi phí khác có liên quan đến các giao dịch trên.

Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất do đây là quyền sử dụng đất không có thời hạn. Như trình bày tại Thuyết minh số 15, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 162.320.000.000 đồng để đảm bảo cho các khoản tiền vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại dương theo Hợp đồng số 57/2010/HĐTD1-OCEANBANK06 ngày 10 tháng 7 năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tòa nhà EVN Land Central, 78A Duy Tân, quận Hải Châu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Khoản đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Hòa Cẩm với giá gốc khoản đầu tư là 22,8 tỷ đồng. Thông tin chi tiết như sau:

<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty CP Đầu tư Khu Công nghiệp Hòa Cẩm	Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	45,5	45,5	Đầu tư, khai thác và kinh doanh khu công nghiệp. Kinh doanh bất động sản

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>
Tổng tài sản	106.699.527.887
Tổng công nợ	(52.210.206.100)
Tài sản thuần	54.489.321.787
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	<u>24.792.641.413</u>

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang. Công ty đã góp vốn bằng tiền là 11,3 tỷ đồng từ ngày 19 tháng 8 năm 2010, tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 3,77% tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>Năm 2010</u>	<u>Kỳ hoạt động từ ngày 1/12/2009 đến ngày 31/12/2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu kỳ	11.810.455.405	-
Nhận bản giao từ Công ty TNHH MTV Xây lắp Dầu khí Miền Trung;	-	11.517.223.534
Tăng trong kỳ	18.448.913.868	985.349.732
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(14.394.312.811)	(692.117.861)
Số dư cuối kỳ	<u>15.865.056.462</u>	<u>11.810.455.405</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà EVN Land Central, 78A Duy Tân, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn (*)	119.970.872.209	25.893.364.243
<i>Khoản vay số 1</i>	<i>68.124.756.704</i>	<i>25.893.364.243</i>
<i>Khoản vay số 2</i>	<i>32.633.889.195</i>	-
<i>Khoản vay số 3</i>	<i>19.212.226.310</i>	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	12.721.038.531	331.398.531
	<u>132.691.910.740</u>	<u>26.224.762.774</u>

(*) Vay ngắn hạn gồm 3 khoản vay:

Khoản vay số 1: Đây là khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 27/TDHM-NH/TD10 và Hợp đồng bảo lãnh hạn mức số 03/BL-HM/TXV09 ngày 4 tháng 02 năm 2009. Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty trực tiếp giao dịch, rút vốn, sử dụng hạn mức vay vốn ngắn hạn và bảo lãnh với hạn mức tín dụng là 70 tỷ đồng và với hạn mức bảo lãnh là 40 tỷ đồng. Mục đích khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh với thời hạn cho vay là 6 tháng theo từng kế ước nhận nợ. Lãi suất cho vay là lãi suất ngắn hạn do bên cho vay công bố tại thời điểm bên vay rút vốn và được ghi cụ thể trên từng kế ước. Lãi suất quá hạn được tính bằng 150% lãi suất cho vay.

Khoản vay số 2: Đây là khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội theo Hợp đồng số 603 ngày 28 tháng 6 năm 2010. Theo đó, hạn mức vay là 30 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh là 40 tỷ đồng. Mục đích khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh trong năm 2010. Thời hạn cho vay tối đa là 9 tháng/kế ước. Lãi suất quy định theo từng lần rút vốn. Khoản vay được thế chấp bằng các quyền đòi nợ khối lượng xây lắp hoàn thành và một số nguồn thu hợp pháp khác.

Khoản vay số 3: Đây là khoản vay Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội theo Hợp đồng vay số 1009DN163. Theo đó, hạn mức vay là 50 tỷ đồng, khoản vay được thế chấp bằng tài sản bảo đảm là giá trị khoản phải thu còn lại từ hợp đồng xây dựng do Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội tài trợ vốn được quy định cụ thể tại các Hợp đồng thế chấp liên quan đến hợp đồng tín dụng hạn mức số 1009 và từ các nguồn thu hợp pháp khác. Mục đích khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh trong năm 2010. Thời hạn cho vay tối đa là 6 tháng/ kế ước. Lãi suất quy định theo từng lần rút vốn. Khoản vay được thế chấp bằng giá trị khoản phải thu còn lại từ hợp đồng xây dựng do Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội tài trợ.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	3.589.367.645
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.818.379.481	1.990.626.304
Thuế thu nhập cá nhân	144.112.884	30.220.373
Thuế tài nguyên	31.063.500	20.290.500
Các khoản phí, lệ phí	6.903.000	6.763.500
	<u>7.000.458.865</u>	<u>5.637.268.322</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNGTòa nhà EVN Land Central, 78A Duy Tân, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	117.401.767.198	1.077.045.227
<i>Khoản vay số 1</i>	<i>745.646.695</i>	<i>1.077.045.227</i>
<i>Khoản vay số 2</i>	<i>5.905.920.917</i>	-
<i>Khoản vay số 3</i>	<i>109.178.016.636</i>	-
<i>Khoản vay số 4</i>	<i>1.572.182.950</i>	-
Nợ dài hạn khác	4.426.608.174	-
	<u>121.828.375.372</u>	<u>1.077.045.227</u>

Khoản vay số 1: Đây là khoản vay không thế chấp bằng tài sản mà Công ty TNHH một thành viên Xây lắp Dầu khí Miền Trung ký hợp đồng tín dụng trung và dài hạn với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (hợp đồng số 5) với hạn mức tín dụng là 15 tỷ đồng tại ngày 23 tháng 12 năm 2008. Sau khi chuyển đổi từ Công ty TNHH, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung tiếp tục thực hiện hợp đồng này. Khoản vay này được trả lãi nhiều lần bắt đầu từ tháng 10 năm 2009 tới tháng 1 năm 2013. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất huy động vốn cá nhân 12 tháng bằng VND của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (loại trả lãi cuối kỳ) cộng 6%/năm, điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản vay dài hạn này nhằm mục đích đầu tư vào "Dự án Xưởng cơ khí và vật liệu xây dựng Dung Quất - Quảng Ngãi".

Khoản vay số 2: Đây là khoản vay không thế chấp bằng tài sản từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 12/TĐH/2009 ngày 29 tháng 12 năm 2009. Theo đó, hạn mức vay là 12,4 tỷ đồng, mục đích để thực hiện đầu tư máy móc thiết bị, thời hạn vay tối đa là 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, lãi suất theo từng lần rút vốn.

Khoản vay số 3: Đây là khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại dương theo Hợp đồng số 57/2010/HĐTD1-OCEANBANK06 ngày 10 tháng 7 năm 2010. Theo đó, hạn mức vay là 110 tỷ đồng với thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích của khoản vay là vay mua và đầu tư khách sạn Đà Nẵng Riverside và lô đất 5.000m² kèm theo. Lãi suất cho vay áp dụng mức 17%/năm, được điều chỉnh 3 tháng/lần bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Oceanbank công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ tối thiểu 6%. Khoản vay được thế chấp bằng Quyền sử dụng đất cho lô đất số BC 103853 được định giá thế chấp là 60 tỷ đồng và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 291249 được định giá trị thế chấp là 77,435 tỷ đồng. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất áp dụng.

Khoản vay số 4: Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại dương theo Hợp đồng số 110/2010/HĐTD1-OCEANBANK06 ngày 29 tháng 9 năm 2010. Theo đó, hạn mức vay là 83 tỷ đồng với thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích của khoản vay là đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất bao bì tại Dung Quất, Quảng Ngãi. Lãi suất cho vay áp dụng mức 16,2%/năm, được điều chỉnh 3 tháng/lần bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Oceanbank công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ tối thiểu 5%.

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch sau:

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	12.721.038.531	331.398.531
Trong năm thứ hai	16.015.824.229	331.398.531
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	38.913.495.975	414.248.165
Sau năm năm	54.178.016.637	-
	<u>121.828.375.372</u>	<u>1.077.045.227</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	12.721.038.531	331.398.531
Số phải trả sau 12 tháng	<u>109.107.336.841</u>	<u>745.646.696</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CỔ ĐÔNG

Thay đổi trong vốn cổ đông

	Vốn điều lệ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/12/2009	-	-	-
Nhận bàn giao vốn từ Công ty TNHH MTV Xây lắp Dầu khí Miền Trung	50.000.000.000	-	50.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	2.920.635.343	2.920.635.343
Tại ngày 31/12/2009	50.000.000.000	2.920.635.343	52.920.635.343
Tăng trong năm (i)	100.000.000.000	-	100.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	22.136.973.277	22.136.973.277
Trả cổ tức (ii)	-	(11.250.000.000)	(11.250.000.000)
Giảm khác trong năm	-	(123.948.811)	(123.948.811)
Tại ngày 31/12/2010	150.000.000.000	13.683.659.809	163.683.659.809

(i) Ngày 16 tháng 11 năm 2009, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã có Quyết định số 965/QĐ-XLTK về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty TNHH MTV Xây lắp dầu khí Miền Trung thành Công ty cổ phần với vốn điều lệ là 150 tỷ đồng. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 10 tháng 02 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty đã được góp thêm bởi các cổ đông là 100.000.000.000 đồng.

(ii) Thông báo số 1540/TB-HĐQT-XLTKMT của Hội đồng Quản trị ngày 19 tháng 10 năm 2010 gửi Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định tạm ứng cổ tức năm 2010 lần một với tỷ lệ là 750 đồng/cổ phần. Ngày 21 tháng 10 năm 2010, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh có công văn phúc đáp đồng ý việc chia cổ tức như trên của Công ty. Đến ngày 30 tháng 11 năm 2010, Công ty đã hoàn thành việc tạm ứng cổ tức bằng tiền cho các cổ đông với tổng số tiền là 11.250.000.000 đồng.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 150 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

STT	Cổ đông	Số cổ phần (1000 CP)	Tỷ lệ %	Giá trị cổ phần (VND)
1	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	7.650	51,00%	76.500.000.000
2	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Bất động sản	1.500	10,00%	15.000.000.000
3	Ông Phạm Quy Nhơn	1.188	7,92%	11.880.000.000
4	Các cổ đông khác	4.662	31,08%	46.620.000.000
	Cộng	15.000	100,00%	150.000.000.000

17.	DOANH THU	<u>Năm 2010</u> VND
	Doanh thu hoạt động xây lắp	460.389.862.487
	Doanh thu hoạt động khác	10.579.853.248
		<u>470.969.715.735</u>
18.	GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP	<u>Năm 2010</u> VND
	Giá vốn hoạt động xây lắp	397.254.332.783
	Giá vốn hoạt động khác	8.345.150.799
		<u>405.599.483.582</u>
19.	CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH	<u>Năm 2010</u> VND
	Lợi nhuận kế toán trước thuế	29.515.964.370
	Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-
	Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-
	Thu nhập chịu thuế	29.515.964.370
	Thuế suất	25%
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>7.378.991.093</u>
20.	LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU	
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	
	Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được thực hiện như sau:	
	<u>Lợi nhuận:</u>	<u>Năm 2010</u> VND
	Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.136.973.277
	Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.136.973.277
	<u>Số cổ phiếu:</u>	<u>31/12/2010</u> Cổ phiếu
	Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.958.904
	<u>Lãi cơ bản trên cổ phiếu:</u>	<u>Năm 2010</u> VND
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.586

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<u>Năm 2010</u>
	VND
Góp vốn	
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	26.500.000.000
Doanh thu	
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	106.041.335.064
Ban điều hành dự án Polypropylene Nhà máy lọc dầu Dung Quất	5.942.352.380
Ban QLDA Nhà máy lọc dầu Dung Quất	26.103.582.178
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	10.957.193.063
Mua tài sản, hàng hóa, dịch vụ	
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	7.381.238.860
Công ty TNHH MTV dịch vụ tổng hợp Dầu khí Quảng Ngãi	10.372.669.400
Tổng Công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam khu vực Đà Nẵng	266.446.300
Lãi vay	
Lãi tiền vay phải trả Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - CN Đà Nẵng	7.586.507.478

Số dư với các bên liên quan:

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Phải thu		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	27.756.954.982	21.826.912.301
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	4.849.005.900	2.679.383.722
Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An	218.028.048	877.968.713
Ban điều hành Dự án Polypropylene Nhà máy lọc dầu Dung Quất	-	16.207.155.363
Công ty CP Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	-	17.871.050.000
Phải trả		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	3.456.324.227	16.414.134.246
Công ty Cổ phần Xây lắp đường ống bể chứa dầu khí	-	1.723.363.000
Công ty TNHH MTV DVTH Dầu khí Quảng Ngãi	-	2.124.446.637
Công ty Cổ phần Truyền thông Dầu khí Việt Nam	-	276.821.600
Xí nghiệp Thi công cơ giới Dầu khí - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	6.123.347.000	6.158.129.000
Các khoản nhận ứng trước		
Ban QLDA Nhà máy lọc dầu Dung Quất	18.935.812.824	13.183.653.235
Các khoản vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - CN Đà Nẵng		
- Vay ngắn hạn:	69.734.068.872	25.893.364.243
- Vay trung hạn:	6.651.567.612	1.077.045.227

22. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Theo Biên bản Đại hội Cổ đông bất thường ngày 8 tháng 1 năm 2011, các cổ đông đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 400 tỷ đồng, với mục đích chính là đầu tư vào dự án tòa nhà phức hợp - chung cư cao cấp tại lô đất 5000 m² tại quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng (225 tỷ đồng), và dự án Nhà máy Sản xuất bao bì Polypropylen (25 tỷ đồng).

Tuy nhiên, theo Công văn số 012/HĐQT-XLTKMT ngày 28 tháng 1 năm 2011 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty gửi Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, Công ty đã đề nghị việc chuyển nhượng khách sạn Đà Nẵng Riverside và 5.000 m² đất để tập trung cho hoạt động kinh doanh chính là xây lắp. Tại Công văn số 496/XLTK-ĐTDA ngày 15 tháng 02 năm 2011, Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã có đồng ý cho Công ty chủ động thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cùng Khách sạn Đà Nẵng Riverside trên đất và 5.000 m² đất mở rộng giai đoạn 2, việc chuyển nhượng theo phương thức bán đấu giá tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất sẽ được thực hiện phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa thực hiện bán khách sạn và lô đất.

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán. Không có số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ do kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty là từ ngày 01 tháng 12 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009.



Bùi Công Toanh
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2011



Vũ Văn Duẩn
Kế toán trưởng